

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY PHÚ SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY PHÚ SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300893277

**3. Ngày thành lập:** 07/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

(NR: ông Trần Xuân Sơn), thôn Đại Trạch, Xã Đình Tổ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0913 522 742

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                            | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                                                                | 2826                                                         |
| 2.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                             | 2410                                                         |
| 3.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                        | 2431                                                         |
| 4.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                              | 1104                                                         |
| 5.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                         | 1311                                                         |
| 6.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                | 1312                                                         |
| 7.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                              | 1313                                                         |
| 8.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                              | 1321                                                         |
| 9.  | Sản xuất thảm, chăn đệm                                                                                                                                                                              | 1323                                                         |
| 10. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                       | 1410(Chính)                                                  |
| 11. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                     | 1420                                                         |
| 12. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                 | 1430                                                         |
| 13. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                        | 1511                                                         |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                          | 5210                                                         |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                                                 | 5221                                                         |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                    | 4669                                                         |
| 17. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                      | 4751                                                         |
| 18. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4771                                                         |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                           | 3312                                                         |
| 20. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                              | 3320                                                         |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                | 4321                                                         |
| 22. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                      | 4322                                                         |
| 23. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                             | 4782                                                         |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                       | 4933                                                         |
| 25. | Ghi chú: ( Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO NGỌC LÂN     | Số 128, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25        | 001063000481                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25        |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN XUÂN SON    | Thôn Đại Trạch, Xã Đình Tổ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 30        | 125208162                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 30        |                                                                                             |         |
| 3   | BÙI QUANG CHÂU   | Thôn Ngọc Khâm, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        | 125410138                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |
| 4   | TRỊNH ĐÌNH CUÔNG | Số 58, phố Hàng Giấy, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25        | 011268856                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25        |                                                                                             |         |
| 5   | VŨ HUY THẮNG     | Số 5 hẻm 22/17, Ngõ Lệnh Cư, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        | 011658549                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ĐÀO NGỌC LÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 08/10/1963

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001063000481

Ngày cấp: 06/08/2013

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Số 128, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số 128, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh